

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày 09-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Kha

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Huỳnh Văn Chính

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

- Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H)

Địa chỉ: B Bis N, P. B, Quận A, TP .

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trang Bửu T, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân. (có mặt)

Địa chỉ: Số B ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 2001. (có mặt)

2/ Ông Phạm Văn L, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1980 . (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1975. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP phát triển thành phố H (H) cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trang Bửu T trình bày:

Ngày 23/8/2022 giữa ngân hàng và bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Phạm Văn L có kí kết hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD để giải ngân vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá và các vốn khác phục vụ sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 06/9/2022 đến ngày 05/9/2023, lãi suất 14%/năm (cố định trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận tiền vay sau thời hạn đó lãi suất được điều chỉnh định kì 03 tháng một lần hoặc theo quyết định của Ngân hàng H). 06 tháng trả lãi một lần. Tuy nhiên từ sau khi giải ngân đến nay bà T1 và ông L không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cũng như trả nợ gốc cho Ngân hàng khi đến hạn.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển Thành phố H (H) yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Phạm Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD ngày 23/8/2022 tính đến ngày 08/5/2024 là 1.289.824.514 đồng, gồm nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 139.442.066 đồng, lãi quá hạn 150.383.349 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà T1 và ông L còn phải chịu lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng H cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp bà T1 và ông L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H đề nghị phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 28995/22MN/HĐBĐ ngày 23/8/2022 để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng H thì bà T1 và ông L vẫn có nghĩa vụ phải thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng H.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Phạm Văn L thống nhất, trình bày: Vợ chồng ông, bà và Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh S - PGD T có ký hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD ngày 23/8/2022 và khế ước nhận nợ số 33638/22MN/HĐTD/KUNN01 ngày 05/9/2022 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/9/2023, lãi suất 14%/năm và lãi có thể được H điều chỉnh theo từng thời kỳ, mục đích vay để bổ sung vốn nuôi cá và các vốn khác phục vụ sản xuất nông nghiệp. Khi vay có thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) do bà Nguyễn Thị Kiều T1 đứng tên. Đối với yêu

cầu khởi kiện của **ngân hàng H** yêu cầu ông, bà trả số tiền còn nợ tính đến ngày 08/5/2024 là 1.289.824.514 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng), gồm nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi trong hạn 139.442.066 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn 150.383.349 đồng (Một trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng) ông, bà đồng ý trả số tiền trên nhưng hiện tại không có khả năng, đồng ý tiếp tục lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD ngày 23/8/2022 cho đến ngày thanh toán dứt nợ cho **Ngân hàng H**. Trong trường hợp không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp để phát mãi thanh toán nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị L2 và cha mẹ ruột của Nguyễn Thị Kiều T1, 04 thửa đất mà T1 và L đang thế chấp tại **Ngân hàng H** để vay tiền hiện do ông và vợ đang quản lý sử dụng do T1 và L đang sống bên nhà L nên không tiện can thiệp, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì vợ chồng ông không có ý kiến và đồng ý giao các thửa đất để Ngân hàng phát mãi trong trường hợp T1 và L không trả được nợ cho ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông L1, không có ý kiến khác.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền như ngân hàng yêu cầu và phải chịu lãi suất theo quy định; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải chịu các chi tố tụng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần P (H) đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa H và bà T1, ông L, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả lãi và nợ gốc khi đến hạn. Bị đơn thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay như nguyên đơn trình bày. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho nguyên đơn. Tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD ngày 23/8/2022, giữa bên cho vay và bên vay có thỏa thuận như sau: H có quyền ngừng giải ngân, chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp: “Bên được cấp tín dụng/bên bảo đảm (nếu có) vi phạm điều khoản HĐTDHM, KUNN hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác”. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp với nội dung thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện do phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nên thuộc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp như: Hợp đồng tín dụng số 33638/22MN/HĐTD ngày 23/8/2022; “Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số: 33638/22MN/HĐTD/KUNN01”, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (Ngân hàng H) và bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Phạm Văn L có ký kết hợp đồng tín dụng, mục đích để bổ sung vốn nuôi cá và các vốn khác phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngân hàng đã đồng ý cấp tín dụng cho bà T1 và ông L vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), giải ngân toàn bộ tiền vay vào ngày 05/9/2022. Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Phạm Văn L cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng Đ tháng/lần và trả nợ gốc vào ngày 05/9/2023. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Phạm Văn L không trả lãi cũng như nợ gốc

khi đến hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho Ngân hàng, yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 1.289.824.514 đồng, gồm nợ gốc 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 139.442.066 đồng, lãi quá hạn 150.383.349 đồng. Tại phiên tòa các bị đơn đều thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Phạm Văn L phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280 và 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 28995/22MN/HĐBĐ ngày 23/8/2022, bà T1 và ông L đã thế chấp các tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của khoản vay, gồm:

- Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 1.016,5m²; Đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423173, số vào sổ cấp GCN: CS01149 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022 cho bà Nguyễn Thị Kiều T1.

- Thửa đất số 825, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 7.435,6m²; Đất ở tại nông thôn 150m²; Đất trồng cây lâu năm 7.285,6m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423174, số vào sổ cấp GCN: CS01150 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022 cho bà Nguyễn Thị Kiều T1

- Thửa đất số 821, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 5.053,7m²; Đất chuyên trồng lúa nước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423175, số vào sổ cấp GCN: CS01151 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022 cho bà Nguyễn Thị Kiều T1.

- Thửa đất số 826, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 11.141,7m²; Đất trồng lúa nước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423176, số vào sổ cấp GCN: CS01153 do

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022 cho bà Nguyễn Thị Kiều T1.

Xét thấy khi giao kết hợp đồng thế chấp, các bên đều đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao dịch; ý chí đều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được chứng thực và đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực.

Kết quả xem xét, thẩm định xác định hiện các thửa đất thế chấp do cha mẹ ruột của bà T1 là ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị L2 đang quản lý sử dụng nên Tòa án đã thông báo về việc đưa ông L1 và bà L2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L1 và bà L2 trình bày trong trường hợp T1 và L không trả nợ được cho Ngân hàng thì ông, bà đồng ý giao các thửa đất thế chấp để phát mãi thanh toán nợ

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định. Buộc bà T1 và ông L phải chịu 1.000.000 đồng. sau khi bà T1, ông L nộp thì hoàn trả lại cho Ngân hàng H do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (H) tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn dư 2.000.000 đồng theo thông báo riêng của Tòa án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 50.694.735 đồng. (36.000.000 đồng + với phần tiền vượt 800.000.000 đồng trên số tiền phải trả cho nguyên đơn). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (Ngân hàng H) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.613.810 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000483, ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39;; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (H).

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Phạm Văn L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H số tiền tính đến ngày 08/5/2024 là 1.289.824.514 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm mười bốn đồng), gồm nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi trong hạn 139.442.066 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn 150.383.349 đồng (Một trăm năm mươi triệu ba trăm tám mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Phạm Văn L không trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản được quyền yêu cầu xử lý, gồm:

- Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 1.016,5m²; Đất trồng cây lâu năm. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423173, số vào sổ cấp GCN: CS01149 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022.

- Thửa đất số 825, tờ bản đồ số 3 tại ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Diện tích: 7.435,6m²; Đất ở tại nông thôn 150m²; Đất trồng cây lâu năm 7.285,6m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423174, số vào sổ cấp GCN: CS01150 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 30/09/2022.

- Thừa đất số 821, tờ bản đồ số 3 tại **ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; Diện tích: 5.053,7m²; Đất chuyên trồng lúa nước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423175, số vào sổ cấp GCN: CS01151 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S** cấp ngày 30/09/2022.

- Thừa đất số 826, tờ bản đồ số 3 tại **ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng**; Diện tích: 11.141,7m²; Đất trồng lúa nước. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG423176, số vào sổ cấp GCN: CS01153 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S** cấp ngày 30/09/2022.

3/ Về chi phí tố tụng và án phí

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kiều T1** và ông **Phạm Văn L** phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) sau khi bà **T1**, ông **L** nộp thì hoàn trả lại cho **Ngân hàng H** do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước. Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (H)** tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn dư 2.000.000 đồng theo thông báo riêng của Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị Kiều T1** và ông **Phạm Văn L** phải chịu **50.694.735 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng)**. Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H (Ngân hàng H)** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.613.810 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000483, ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Kha